UBND Xã: Thanh Quang

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**8,620,860,666**	**2,913,779,000**	**5,707,081,666**	**3,268,166,400**	**913,779,000**	**2,354,387,400**	**37.91**	**31.36**	**41.25**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	12,500,000		12,500,000	1,360,000		1,360,000	10.88		10.88
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	12,500,000		12,500,000	1,512,000		1,512,000	12.1		12.1
4	Chi văn hóa, thông tin	28,400,000		28,400,000	15,665,700		15,665,700	55.16		55.16
5	Chi phát thanh, truyền thanh	54,736,000		54,736,000	17,836,200		17,836,200	32.59		32.59
6	Chi thể dục, thể thao	20,400,000		20,400,000	5,054,000		5,054,000	24.77		24.77
7	Chi bảo vệ môi trường	20,300,000		20,300,000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	2,336,900,000	2,300,000,000	36,900,000	500,000,000	500,000,000		21.4	21.74	
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4,528,911,500	413,779,000	4,115,132,500	2,547,290,300	413,779,000	2,133,511,300	56.25	100	51.85
10	Chi cho công tác xã hội	456,200,000		456,200,000	179,448,200		179,448,200	39.34		39.34
11	Chi khác									
12	Dự phòng	1,150,013,166	200,000,000	950,013,166						
	Dự phòng chưa phân bổ 2021									
	TK 10% chi thường xuyên 2021									
	50% tăng thu tiền đất 2021									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									